

Số: 3999 /QĐ-BNN-XD

Hà Nội, ngày 28 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng
Dự án thành phần “Sửa chữa cải tạo Trụ sở
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại thành phố Hà Nội”
thuộc Dự án “Xây dựng, cải tạo trụ sở cơ quan
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn”**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15, Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021- 2025;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Số 3227/QĐ-BNN-KH ngày 21/7/2021, số 2620/QĐ-BNN-KH ngày 29/6/2023 và số 3600/QĐ-BNN-KH ngày 25/8/2023 phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án “Xây dựng, cải tạo trụ sở cơ quan Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn”;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ tại Tờ trình số 595/TTr-VP ngày 08/9/2023 trình thẩm định, phê duyệt dự án thành phần “DATP1: Sửa chữa cải tạo Trụ sở Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại thành phố Hà Nội” thuộc Dự án “Xây dựng, cải tạo trụ sở cơ quan Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình (tại Báo cáo kết quả thẩm định số 1469/BC-XD-TĐ ngày 14/9/2023) và Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính, Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Dự án thành phần “DATP1: Sửa chữa cải tạo Trụ sở Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại thành phố Hà Nội” với các nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: Dự án thành phần “DATP1: Sửa chữa cải tạo Trụ sở Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại thành phố Hà Nội” thuộc Dự án “Xây dựng, cải tạo trụ sở cơ quan Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn”.

2. Loại, nhóm dự án, cấp công trình:

- Loại công trình, dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Nhóm dự án: Nhóm B.

- Cấp công trình: Cấp III.

3. Người quyết định đầu tư: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Chủ đầu tư DATP: Văn phòng Bộ.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty TNHH một thành viên Tư vấn thiết kế và Đầu tư xây dựng.

Chủ nhiệm thiết kế: Kiến trúc sư Trần Quang Sơn.

6. Mục tiêu đầu tư: Sửa chữa cải tạo một số nhà làm việc và hạ tầng liên quan tại trụ sở cơ quan Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ở Hà Nội, nhằm cải thiện điều kiện làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành của Bộ.

7. Địa điểm xây dựng: Quận Ba Đình và Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

8. Quy mô, nội dung đầu tư:

- Tại số 02 Ngọc Hà: Sửa chữa cải tạo đối với các nhà A2, A10, B6 và hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà; mua sắm trang thiết bị.

- Tại số 10 Nguyễn Công Hoan: Sửa chữa cải tạo các nhà A1 và A7.

- Tại số 16 Thụy Khuê: Thay thế 02 thang máy của Nhà liên cơ số 1.

9. Các giải pháp thiết kế cơ sở chủ yếu:

9.1. Tại số 2 Ngọc Hà:

9.1.1. Sửa chữa cải tạo Nhà A2:

- Bóc và trát lại một số vị trí tường ngoài nhà bằng vữa XM; vệ sinh, sơn

nước không bả tường ngoài nhà và tường hành lang, sảnh các tầng;

- Lát lại nền, sàn một số phòng, hành lang bằng gạch granite hoặc thảm chuyên dụng;
- Thay thế cửa đi bằng cửa gỗ, riêng cửa sảnh chính dùng kính cường lực; thay thế cửa sổ, vách kính mặt tiền bằng khung nhôm hệ, kính an toàn;
- Thay thế trần hành lang, sảnh các tầng bằng trần thạch cao; thay thế mái sảnh chính bằng khung thép, kính cường lực; vệ sinh, sơn lại lan can thang bộ;
- Nâng cấp hệ thống điện: Làm mới hệ thống điện chiếu sáng hành lang, sảnh các tầng (cáp và dây dẫn ruột đồng chôn ngầm), thay thế thiết bị điện tại một số phòng; thay thế, bổ sung một số điều hòa nhiệt độ;
- Khắc phục hệ thống phòng cháy chữa cháy: Bổ sung thiết bị chữa cháy cầm tay, các bảng nội quy, tiêu lệnh, đèn sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn và các hạng mục PCCC khác;
- Một số nội dung sửa chữa cải tạo khác.

9.1.2. Sửa chữa cải tạo Nhà A10:

- Bóc và trát lại một số vị trí tường ngoài nhà bằng vữa XM; vệ sinh, sơn nước không bả tường ngoài nhà và tường hành lang, sảnh các tầng; riêng tường trong phòng làm việc của Lãnh đạo Bộ và phòng căng tin ốp gỗ công nghiệp;
- Chống thấm mái: Bóc các lớp chống thấm hiện trạng; chống thấm bằng vật liệu chuyên dụng, láng vữa XM có đánh dốc;
- Lát lại nền, sàn hành lang, sảnh các tầng và một số phòng làm việc bằng gạch granite hoặc thảm chuyên dụng;
- Thay thế trần hành lang, sảnh các tầng và một phần trần phòng làm việc bằng trần thạch cao; bả matit và sơn nước diện tích trần còn lại;
- Thay mới lan can thang bộ; ốp lát lại mặt bậc cầu thang, tam cấp bằng đá granite;
- Nâng cấp hệ thống điện: Tương tự như Nhà A2; riêng phòng làm việc của Lãnh đạo Bộ và phòng căng tin lắp đặt hệ thống điện theo thiết kế nội thất;
- Khắc phục hệ thống phòng cháy chữa cháy gồm: lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, bổ sung thiết bị chữa cháy cầm tay, các bảng nội quy, tiêu lệnh, đèn sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn và các hạng mục PCCC khác;
- Nội dung cải tạo cửa đi, cửa sổ, vách kính, điều hòa nhiệt độ: Tương tự như Nhà A2;
- Một số nội dung sửa chữa cải tạo khác.

9.1.3. Sửa chữa cải tạo Nhà B6:

- Bóc và trát lại một số vị trí tường ngoài nhà bằng vữa XM; vệ sinh, sơn nước không bả tường ngoài nhà và một phần tường trong nhà (tầng 1 và 2);

- Thay mới một phần diện tích trần trong các phòng, bảo matit và sơn nước lại diện tích trần còn lại;

- Cải tạo Phòng khách (P202): Sàn trải thảm chuyên dụng; tường trong phòng ốp gỗ đến trần; trần thạch cao; lắp đặt điều hòa nhiệt độ, hệ thống điện, chiếu sáng, bàn ghế... theo thiết kế nội thất;

- Cải tạo Phòng hội trường (P201): Thay thế bục sân khấu khung thép, ốp gỗ công nghiệp, trải thảm chuyên dụng; tường trong phòng ốp gỗ công nghiệp; cải tạo trần thạch cao; thay thế cửa sổ khung nhôm hệ, kính an toàn và bố trí các rèm che cửa;

- Bổ sung tôn múi phủ trên lớp mái tôn hiện trạng;

- Xử lý chống thấm ban công tầng 3: Bóc lớp chống nóng hiện trạng, chống thấm bằng vật liệu chuyên dụng và láng vữa XM có đánh dốc; lắp đặt mái tôn (bán kèo, xà gồ thép và tôn múi);

- Thay thế thiết bị điện tại một số phòng; thay thế, bổ sung điều hòa nhiệt độ và khắc phục hệ thống phòng cháy chữa cháy: Tương tự như Nhà A10;

- Lắp đặt hệ thống phục vụ họp (gồm hệ thống âm thanh, hệ thống hội nghị truyền hình, hệ thống trình chiếu...) cho các phòng họp;

- Một số nội dung sửa chữa cải tạo khác.

9.1.4. Hạ tầng kỹ thuật:

a) Cải tạo, nâng cấp sân đường nội khu:

- Nâng cấp đường nội khu gồm các loại kết cấu:

- + Kết cấu làm mới: Diện tích khoảng 1.448m². Phá bỏ kết cấu hiện trạng; làm mới các lớp kết cấu gồm: Bê tông nhựa, tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn, BTXM và đất dưới đáy áo đường đầm chặt;

- + Kết cấu nâng cấp: Diện tích khoảng 3.290m²; vệ sinh bề mặt đường, tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn, bù vênh và phủ lớp mặt bê tông nhựa.

- Sân, đường dạo: Diện tích khoảng 1.064m²; mặt lát đá tự nhiên, dưới đệm BTXM, lớp ny lông và nền đất đầm chặt.

b) Bồn hoa, tiểu cảnh:

- Bồn hoa, tiểu cảnh: Bó vĩa xây gạch không nung vữa XM, phần hở ốp đá; đổ đất màu và trồng cây;

- Đài phun nước: Phá bỏ bể nước hiện trạng; làm mới bể kết cấu BTCT; trong bể ốp lát gạch ceramic; lắp đặt thiết bị phun nước đồng bộ và các tiểu hạng mục khác.

- c) Thoát nước nội khu: Bổ sung thành hồ ga bằng giằng BTCT, thay thế nắp đậy bằng ghi gang hoặc tấm đan BTCT.

- d) Các nội dung cải tạo, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật khác.

9.2. Tại số 10 Nguyễn Công Hoan:

a) Cải tạo Nhà A1:

- Cải tạo các khu vệ sinh chung: Chống thấm nền, sàn bằng vật liệu chuyên dụng, lát gạch ceramic; tường ốp gạch ceramic; làm mới trần thạch cao; lắp đặt hệ thống điện (dây dẫn ruột đồng chôn ngầm, lắp đặt đèn, quạt thông gió và các thiết bị điện...), hệ thống cấp thoát nước (dùng ống nhựa chôn ngầm, lắp đặt các thiết bị vệ sinh...);

- Cải tạo một số phòng làm việc:

- + Làm mới cửa thông phòng: Phá bỏ một phần tường ngăn, bổ sung lanh tô cửa BTCT và cửa đi khung nhôm hệ, kính an toàn;

- + Lát sàn trong phòng bằng gạch granite hoặc thảm chuyên dụng; tường trong phòng sơn nước không bả; thay thế một số cửa đi, cửa sổ khung nhôm hệ, kính an toàn;

- + Bổ sung mới khu vệ sinh: Tương tự như khu vệ sinh chung; tường ngăn xây gạch không nung, trát vữa XM hoặc sử dụng vật liệu nhẹ;

- Cải tạo Kho lưu trữ: Trát lại tường, trần trong phòng bằng vữa XM, sơn nước không bả; lát lại sàn bằng gạch ceramic; làm mới hệ thống điện;

- Một số nội dung sửa chữa cải tạo khác (sảnh chính, thang bộ...)

b) Cải tạo Phòng họp tầng 3 Nhà A7:

- Phá bỏ tường ngăn, tháo dỡ trần thạch cao, điều hòa nhiệt độ...;

- Xây mới tường ngăn phòng bằng gạch không nung, trát vữa XM, sơn nước không bả hoặc sử dụng vách ngăn bằng vật liệu nhẹ;

- Phần bổ sung: Tường phía dưới ốp gỗ công nghiệp, phía trên trát vữa XM, sơn nước không bả; sàn lát gạch granite; bổ sung cửa đi, cửa sổ khung nhôm hệ, kính an toàn; lắp đặt hệ thống điện;

- Làm mới trần thạch cao, đèn chiếu sáng và lắp đặt lại điều hòa nhiệt độ cho phòng họp và phòng bên cạnh bị ảnh hưởng;

- Một số nội dung sửa chữa cải tạo khác.

9.3. Cải tạo Nhà liên cơ số 1 tại số 16 Thụy Khuê: Tháo dỡ và thay thế hệ thống thang máy; sửa chữa cải tạo các nội dung liên quan khác.

9.4. Đầu tư mua sắm trang thiết bị:

a) Thiết bị làm việc: Bàn ghế làm việc, tủ tài liệu, bàn ghế phòng họp, bàn ghế tiếp khách và các thiết bị khác;

b) Thiết bị công trình:

- Tại số 2 Ngọc Hà: Điều hoà nhiệt độ các loại (khoảng 64 bộ), hệ thống thiết bị phục vụ họp (gồm thiết bị âm thanh, thiết bị hội nghị truyền hình, thiết bị

trình chiếu...), thiết bị phòng cháy chữa cháy, thiết bị đài phun nước và các thiết bị khác.

- Tại số 10 Nguyễn Công Hoan: Điều hoà nhiệt độ các loại (02 bộ), thiết bị phục vụ họp (01 hệ thống) và các thiết bị khác.

- Tại số 16 Thụy Khuê: Thang máy (02 bộ).

10. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được áp dụng:

a) Số bước thiết kế : 02 bước, thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công.

b) Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng:

- Các quy chuẩn kỹ thuật: QCVN 03: 2022/BXD về phân cấp công trình phục vụ thiết kế xây dựng; QCVN 04-1: 2015/BXD về nhà ở và công trình công cộng; các quy chuẩn kỹ thuật khác có liên quan;

- Các tiêu chuẩn thiết kế xây dựng: TCVN 4601: 2012 Công sở, cơ quan hành chính nhà nước; TCVN 2737: 2023 Tải trọng và tác động; TCVN 9379: 2012 Kết cấu xây dựng và nền; TCVN 9362: 2012 Nền nhà và công trình; TCVN 5574: 2018 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép; TCVN 5573: 2011 Kết cấu gạch đá và gạch đá có cốt thép; các tiêu chuẩn xây dựng khác có liên quan.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng:

a) Tổng mức đầu tư xây dựng DATP lập theo quy định tại Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn; đơn giá xây dựng công trình, đơn giá nhân công, giá ca máy và thiết bị thi công, giá vật tư, vật liệu... theo công bố của thành phố Hà Nội và mặt bằng giá thị trường khu vực tại thời điểm thẩm định tổng mức đầu tư.

b) Tổng mức đầu tư xây dựng DATP được duyệt: 75.000.000.000 đồng

(Bằng chữ: Bảy mươi lăm tỷ đồng)

Chia ra:

- Chi phí xây dựng:	44.023.076.000 đồng;
- Chi phí thiết bị:	14.367.891.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	1.444.009.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	3.603.182.000 đồng;
- Chi phí khác:	641.762.000 đồng;
- Chi phí dự phòng:	10.920.080.000 đồng.

Chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

12. Nguồn vốn: Vốn Ngân sách Nhà nước (trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được giao quản lý tại Quyết định số 1535/QĐ- TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ).

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Thuê tổ chức tư vấn quản lý dự án.

14. Tiến độ thực hiện dự án: 03 năm.

Điều 2. Phân giao nhiệm vụ:

1. Văn phòng Bộ (Chủ đầu tư DATP):

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Bộ trưởng về việc quản lý thực hiện nhiệm vụ Chủ đầu tư DATP theo quy định;
- Tổ chức quản lý và thực hiện dự án theo nội dung Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước, của địa phương về quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư, quản lý chất lượng công trình xây dựng, đảm bảo an toàn, đưa công trình vào khai thác sử dụng đúng mục đích, an toàn, có hiệu quả;
- Đầu mối, chủ trì tổng hợp trình Bộ điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án (nếu có) và tổng hợp báo cáo Bộ các nội dung liên quan về tình hình thực hiện dự án, đảm bảo tính tổng thể, đồng bộ toàn dự án “Xây dựng, cải tạo trụ sở cơ quan Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn”;
- Trình Bộ (qua Cục Quản lý xây dựng công trình) thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án phù hợp với kế hoạch thực hiện và nguồn vốn được cấp; tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt và các quy định có liên quan;
- Tổ chức thực hiện công tác khảo sát xây dựng, kiểm định chất lượng công trình theo quy định, đảm bảo đủ tài liệu phục vụ bước thiết kế bản vẽ thi công;
- Tổ chức lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình, trình Cục Quản lý xây dựng công trình thẩm định theo quy định trước khi phê duyệt;
- Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt danh mục, số lượng, tính năng, thông số kỹ thuật các thiết bị làm việc, thiết bị phục vụ hợp;
- Thực hiện các thủ tục pháp lý có liên quan đến xử lý tài sản theo quy định (ngay sau khi có quyết định phê duyệt dự án đầu tư);
- Làm việc với các cơ quan quản lý xây dựng, phòng cháy chữa cháy... tại địa phương về các thủ tục có liên quan, đảm bảo tuân thủ theo quy định hiện hành;
- Chủ trì lập hồ sơ thanh quyết toán các chi phí giai đoạn chuẩn bị dự án cho toàn bộ dự án và chi phí giai đoạn thực hiện dự án, kết thúc xây dựng DATP, trình phê duyệt theo quy định.

2. Vụ Kế hoạch: Tham mưu Bộ bố trí nguồn vốn ngân sách theo tiến độ thực hiện DATP và kế hoạch vốn trung hạn được duyệt.

3. Vụ Tài chính: Chủ trì quyết toán theo niên độ, quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành; hướng dẫn Chủ đầu tư DATP thực hiện các thủ tục về xử lý tài sản theo quy định.

4. Cục Quản lý xây dựng công trình: Thực hiện nhiệm vụ cơ quan chủ trì thẩm định và cơ quan chuyên môn về xây dựng; thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước giúp Bộ trưởng hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án và DATP theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình và các Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TTr. Phùng Đức Tiến;
- Các Bộ: KHĐT, TC;
- Kho bạc NN (TU' và ĐP);
- Lưu VT, XD (10b).



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp

Phụ lục:
TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
Dự án thành phần “DATP1: Sửa chữa, cải tạo Trụ sở Bộ Nông nghiệp
và Phát triển nông thôn tại thành phố Hà Nội”

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-XD, ngày tháng năm
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung chi phí	Giá trị
	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	75.000.000
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	44.023.076
I.1	Tại số 2 Ngọc Hà	40.842.406
1	Sửa chữa cải tạo Nhà A2	3.238.917
2	Sửa chữa cải tạo Nhà A10	21.116.479
3	Sửa chữa cải tạo Nhà B6	5.461.413
4	Hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà (sân đường nội khu, bồn hoa, đài phun nước, hệ thống thoát nước...)	11.025.597
I.2	Tại số 10 Nguyễn Công Hoan	2.960.670
1	Sửa chữa cải tạo Nhà A1	2.425.036
2	Sửa chữa cải tạo Phòng họp tầng 3 Nhà A7	535.634
I.3	Tại số 16 Thụy Khuê	220.000
1	Sửa chữa Nhà liên cơ số 1	220.000
II	CHI PHÍ THIẾT BỊ	14.367.891
1	Thiết bị làm việc	1.930.471
2	Thiết bị công trình	12.437.420
-	Tại số 2 Ngọc Hà	8.255.840
-	Tại số 10 Nguyễn Công Hoan	241.580
-	Tại số 16 Thụy Khuê	3.940.000
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	1.444.009
IV	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	3.603.182
IV.1	Giai đoạn chuẩn bị dự án	442.773
1	Lập nhiệm vụ, dự toán chi phí chuẩn bị dự án	10.000
2	Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	391.219
3	Thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi	37.954
4	Lập HSMT và phân tích đánh giá HSĐT lựa chọn nhà thầu tư vấn giai đoạn CBDA	3.600
IV.2	Giai đoạn thực hiện dự án và kết thúc xây dựng	3.160.409
1	Khảo sát địa hình và kiểm định chất lượng công trình hiện trạng bước thiết kế bản vẽ thi công	110.000
2	Giám sát khảo sát xây dựng bước thiết kế bản vẽ thi công	4.479
3	Lập thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình	1.624.452
4	Thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công	60.752

TT	Nội dung chi phí	Giá trị
5	Thẩm tra dự toán xây dựng	58.110
6	Lập HSMT và phân tích đánh giá HSDT lựa chọn nhà thầu tư vấn	18.000
7	Lập HSMT và phân tích đánh giá HSDT thi công xây dựng	93.329
8	Lập HSMT và phân tích đánh giá HSDT cung cấp thiết bị	38.362
9	Thẩm định HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu	60.891
10	Giám sát thi công xây dựng	95.690
11	Giám sát lắp đặt thiết bị công trình	946.056
12	Thẩm định giá thiết bị	50.288
V	CHI PHÍ KHÁC	641.762
1	Lệ phí thẩm định dự án	10.500
2	Chi phí thẩm định dự án	39.000
3	Phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công	40.501
4	Phí thẩm định dự toán xây dựng công trình	38.740
5	Phí thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy	2.861
6	Bảo hiểm công trình	66.035
7	Kiểm tra công tác nghiệm thu	50.000
8	Kiểm toán	298.500
9	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	95.625
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	10.920.080
1	Dự phòng cho khối lượng công việc phát sinh	6.907.992
2	Dự phòng cho yếu tố trượt giá	4.012.088